

Hải Phòng, ngày 17 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH**Về việc bổ sung giá dịch vụ cảng biển
tại Công ty Cổ Phần Cảng Đoạn Xá****TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ**

Căn cứ vào Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023; Luật số 140/2025/QH15 ngày 10/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật thuế Giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024

Căn cứ các quyết định số 308/2025/QĐ-ĐXP ngày 25/12/2025 (Biểu giá nội), Quyết định số 309/2025/QĐ-ĐXP ngày 25/12/2025 (Biểu giá ngoại) của Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Cảng Đoạn Xá về việc ban hành Biểu giá dịch vụ cảng biển tại cảng Đoạn Xá

Căn cứ các quy định, văn bản hướng dẫn về giá hiện hành của Nhà nước và Cảng Đoạn Xá;

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch - Kinh doanh;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành bổ sung phụ thu dịch vụ lai dắt theo biến động giá nhiên liệu tại Biểu giá dịch vụ cảng biển hiện hành của Cảng Đoạn Xá:

- Phạm vi áp dụng: Tại công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá.
- Mức phụ thu được áp dụng theo biến động của giá bán lẻ dầu DO.05S-II tại vùng I do tập đoàn xăng dầu Việt Nam công bố tại website: www.petrolimex.com.vn
- Giá dầu DO được Cảng cập nhật vào thời điểm 08 giờ 00 phút hàng ngày để làm căn cứ xác định mức phụ thu.
- Giá dầu công bố tại thời điểm bắt đầu phục vụ lượt tàu vào được xác định để tính mức phụ thu cho cả lượt cập và rời cầu.

I. Biểu giá nội:

1.1 Mức phụ thu lai dắt áp dụng đơn giá khoán theo chiều dài lớn nhất (LOA) của tàu yêu cầu hỗ trợ :

Đơn vị tính: đồng/lượt hỗ trợ cập hoặc rời

STT	LOA của tàu yêu cầu hỗ trợ	Mức phụ thu							
		DO ≤ 20.000	DO 20.001-25.000	DO 25.001-30.000	DO 30.001-35.000	DO 35.001-40.000	DO 40.001-45.000	DO 45.001-50.000	DO ≥ 50.001
1	LOA dưới 90m	0	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
2	LOA từ 90 m đến dưới 110m	0	720.000	1.280.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000

3	LOA từ 110 m đến dưới 130m	0	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000
4	LOA từ 130 m đến dưới 150m	0	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000
5	LOA từ 150 m đến dưới 170 m	0	1.944.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000
6	LOA từ 170 m đến dưới 200m	0	2.664.000	4.736.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000

2.2 Mức phụ thu lai dắt áp dụng đơn giá áp dụng tàu lai lẻ:

Đơn vị tính: đồng/giờ

STT	Loại tàu	Mức phụ thu							
		DO ≤ 20.000	DO 20.001-25.000	DO 25.001-30.000	DO 30.001-35.000	DO 35.001-40.000	DO 40.001-45.000	DO 45.001-50.000	DO ≥ 50.001
1	Tàu lai có công suất từ 500 đến dưới 800 CV	0	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
2	Tàu lai có công suất từ 800 CV đến dưới 1.300 CV	0	464.000	550.000	550.000	550.000	550.000	550.000	550.000
3	Tàu lai có công suất trên 1.300 CV đến dưới 1.800 CV	0	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000
4	Tàu lai có công suất trên 1.800 CV đến dưới 2.200 CV	0	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000

J44:
NG
PH
ĐO/
AN XAI
UYỂN T

II. Biểu giá ngoại:

1.1 Mức phụ thu lai dắt áp dụng đơn giá khoán theo chiều dài lớn nhất (LOA) của tàu yêu cầu hỗ trợ :

Đơn vị tính: USD/lượt hỗ trợ cập hoặc rời

STT	LOA của tàu yêu cầu hỗ trợ	Mức phụ thu							
		DO ≤ 20.000	DO 20.001-25.000	DO 25.001-30.000	DO 30.001-35.000	DO 35.001-40.000	DO 40.001-45.000	DO 45.001-50.000	DO ≥ 50.001
1	LOA dưới 90m	0	22	39	55	55	55	55	55
2	LOA từ 90 m đến dưới 110m	0	50	90	129	168	207	211	211
3	LOA từ 110 m đến dưới 130m	0	62	110	158	206	253	261	261
4	LOA từ 130 m đến dưới 150m	0	72	128	184	240	296	352	375
5	LOA từ 150 m đến dưới 170 m	0	116	206	297	387	477	568	642
6	LOA từ 170 m đến dưới 200m	0	162	288	414	540	666	697	697

2.2 Mức phụ thu đơn giá áp dụng theo tàu lai lẻ:

Đơn vị tính: USD/giờ

STT	Loại tàu	Mức phụ thu							
		DO ≤ 20.000	DO 20.001-25.000	DO 25.001-30.000	DO 30.001-35.000	DO 35.001-40.000	DO 40.001-45.000	DO 45.001-50.000	DO ≥ 50.001
1	Tàu lai có công suất từ 500 đến dưới 800 CV	0	22	39	55	55	55	55	55
2	Tàu lai có công suất từ 800 CV đến dưới 1.300 CV	0	44	78	112	146	179	213	217
3	Tàu lai có công suất trên 1.300 CV đến dưới 1.800 CV	0	66	118	142	142	142	142	142
4	Tàu lai có công suất trên 1.800 CV đến dưới 2.200 CV	0	83	148	213	278	305	305	305

Điều 2: Giá dịch vụ tại Quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 20/04/2026.

Điều 4: Ông Phó Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi ủy quyền để thực hiện.

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty;
- Ban điều hành Công ty
- Như điều 4 (đề t/h)
- Ban Kiểm soát, Ban Kiểm toán nội bộ Công ty;
- Website: www.doanxaport.com.vn;
- Lưu VT, P.KHKD



TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Minh

